

**KIM NGẠCH THƯƠNG MẠI HAI CHIỀU GIỮA VIỆT NAM VÀ BRA-XIN**  
**ĐẠT GẦN HƠN 1,1 TỶ USD 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Theo số liệu của Tổng Cục hải quan Việt Nam, trong 2 tháng đầu năm 2023, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Bra-xin đạt gần hơn 1,1 tỷ USD, tăng 7.9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Bra-xin đạt hơn 369,7 triệu USD, tăng 8.6%, Việt Nam nhập khẩu từ Bra-xin đạt 720,7 triệu USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2022.

**Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Bra-xin**  
**trong 2 tháng đầu năm 2023**

*Đơn vị USD*

STT	Xuất khẩu của Việt Nam sang Bra-xin	2T/2022	2T/2023	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
1	Điện thoại các loại và linh kiện	122,714,247	97,937,222	-20.19
2	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	52,997,374	67,516,545	27.40
3	Hàng hóa khác	29,509,426	41,159,939	39.48
4	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	28,221,906	39,848,262	41.20
5	Phương tiện vận tải và phụ tùng	27,172,088	44,713,002	64.55
6	Hàng thủy sản	25,066,784	13,778,682	-45.03
7	Giày dép các loại	22,002,405	21,936,054	-0.30
8	Hàng dệt, may	8,389,457	9,394,160	11.98
9	Xơ, sợi dệt các loại	5,551,644	6,151,851	10.81
10	Cao su	3,779,795	2,366,423	-37.39
11	Sản phẩm từ cao su	3,604,029	4,299,219	19.29
12	Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	3,143,670	238,557	-92.41
13	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	1,647,113	2,599,117	57.80

STT	Xuất khẩu của Việt Nam sang Bra-xin	2T/2022	2T/2023	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
14	Sản phẩm từ sắt thép	1,585,431	2,804,931	76.92
15	Kim loại thường khác và sản phẩm	1,571,769	2,474,932	57.46
16	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	1,485,804	2,120,457	42.71
17	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1,188,958	923,192	-22.35
18	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	518,926	115,535	-77.74
19	Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	190,827	NA	
20	Sắt thép các loại	96,074	7,192,452	7386.37
	<b>Tổng cộng</b>	<b>340,437,726</b>	<b>369,717,232</b>	<b>8.60</b>

*Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam*

Các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang Bra-xin trong 2 tháng đầu năm 2023 tăng ở một số mặt hàng, như hàng dệt may (12%), máy móc và thiết bị (41%), túi sách, vali (57%), phương tiện vận tải và phụ tùng (64%), sắt thép các loại tăng đột biến (7386%), kim loại thường khác và sản phẩm (57%), xơ, sợi dệt các loại (10%). Một số sản phẩm có chiều hướng giảm như hàng thủy sản (-45%), cao su (-37%), nguyên phụ liệu dệt may, da giày (-22%), điện thoại và linh kiện (-20%).

Hiện nay, do chi phí vận chuyển và logistic tăng đã tác động đến hoạt động xuất khẩu. Bên cạnh đó, thị trường vẫn còn nhiều bất ổn do đại dịch Covid-19 gây ra và đặc biệt tình hình chiến sự Ukraine và Nga đã tác động tiêu cực cho xuất khẩu và tiêu thụ hàng hóa, điều đó ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam và ảnh hưởng dây chuyền đến các hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước trong đó có Brazil, tình hình xung đột Nga-Ukraine, tạo ra một số khó khăn trong các hoạt động xuất nhập khẩu và tình hình chính trị, xã hội của địa phương do việc đấu tranh phe phái sau kỳ bầu cử Tổng thống Bra-xin cuối năm 2022 cũng tạo ra những tâm lý không ổn định trong đầu tư, phát triển của các nhà đầu tư và doanh nghiệp tại địa bàn.

**Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Bra-xin  
trong 2 tháng đầu năm 2023**

*Đơn vị USD*

Stt	Hàng hóa Nhập khẩu từ Bra-xin	2T.2022	2T.2023	Tăng/giảm (%)
1	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	119,955,367	36,193,728	-69.83
2	Bông các loại	155,473,218	118,094,431	-24.04
3	Ngô	75,466,987	272,641,006	261.27
4	Đậu tương	130,188,717	45,535,171	-65.02
5	Quặng và khoáng sản khác	73,574,578	89,207,295	21.25
6	Hàng hóa khác	50,573,682	50,387,984	-0.37
7	Lúa mì	32,557,173	78,475,379	141.04
8	Gỗ và sản phẩm gỗ	12,411,082	3,991,789	-67.84
9	Nguyên phụ liệu thuốc lá	9,548,723	843,529	-91.17
10	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	9,166,716	10,413,465	13.60
11	Chất dẻo nguyên liệu	5,612,023	6,685,821	19.13
12	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1,635,176	7,211,185	341.00
13	Hóa chất	1,004,009	473,002	-52.89
14	Chế phẩm thực phẩm khác	346,154	118,303	-65.82
15	Hàng rau quả	517,546	333,056	-35.65
16	Sắt thép các loại	50,506,716	20,675	-99.96
	<b>Tổng cộng</b>	<b>670,112,754</b>	<b>720,678,683</b>	<b>7.55</b>

*Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam*

Về nhập khẩu, các sản phẩm nhập khẩu chính của Việt Nam từ Bra-xin tiếp tục tăng nhẹ trong 2 tháng đầu năm 2023, nguyên nhân Việt Nam cần nhập các mặt hàng nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước đáp ứng cho nhu cầu trong nước và phục vụ sản xuất để xuất khẩu. Cụ thể, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (tăng 13,6%), lúa mì (141%), ngô (261%), quặng và khoáng sản khác (tăng 21%), máy móc, thiết bị phụ tùng (tăng 341%). Nguyên nhân là để đáp ứng nhu cầu cao về nguyên phụ liệu cho

ngành công nghiệp chế biến trong nước, đáp ứng nhu cầu sản xuất phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu các thị trường khác.

Một số sản phẩm có chiều hướng giảm như gỗ và sản phẩm gỗ (-67%), các chế phẩm thực phẩm khác (-65%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (-69%), nguyên liệu thuốc lá (-91%).

Do các biến động thị trường thế giới, ảnh hưởng đến các đơn hàng xuất khẩu của cả nước sở tại và Việt Nam, lĩnh vực hàng dệt may, giày da, tăng nhẹ, nhưng các mặt hàng không cấp thiết có sự giảm rõ rệt như gỗ, nội thất,... kim ngạch xuất nhập khẩu có biến động tăng và giảm nhẹ ở một số mặt hàng so với cùng kỳ năm trước, nhằm đáp ứng phù hợp với nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất của nước ta. Tình hình sản xuất địa bàn sẽ ổn định hơn trong tâm lý các nhà đầu tư sau kết quả cuộc bầu cử cuối năm 2022, góp phần duy trì và nâng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước. Do tình hình xung đột giữa Nga và Ukraine, cũng như tình hình chính trị khu vực cũng ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, xã hội địa phương và tác động đến các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu.

**Thương vụ Việt Nam tại Bra-xin**